

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 298/2023/DS-PT
Ngày: 23/5/2023
V/v tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Lê Huy.

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Ánh Phương.

Bà Đỗ Thị Minh Nguyệt.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Công Danh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Cẩm Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 118/2023/TLPT-DS ngày 11 tháng 4 năm 2023 về việc tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 19/2023/DS-ST ngày 16 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 575/2023/QĐ-PT ngày 13 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Nguyễn Thị Ánh T, sinh năm 1971;

Địa chỉ: ấp M, xã C, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Tạ Kim T1, sinh năm 1963 (theo Hợp đồng ủy quyền ngày 09/5/2022);

Địa chỉ: đường T, khu phố M, phường B, thị xã C1, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn:*

1. Nguyễn Minh T2, sinh năm 1978;

2. Huỳnh Thị Hồng P, sinh năm 1985;

Cùng địa chỉ: ấp H, xã C, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn Nguyễn Minh T2, Huỳnh Thị Hồng P.

(Bà Tạ Kim T1, ông Nguyễn Minh T2 có mặt; bà Huỳnh Thị Hồng P vắng mặt tại phiên tòa phúc thẩm).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm;

** Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ánh T, ủy quyền cho bà Tạ Kim T1 trình bày:*

Do quen biết nên bà T có cho bà P và ông T2 vay nhiều lần tiền, cụ thể: Ngày 13/6/2021 cho vay 280.000.000 đồng, ngày 19/6/2021 cho vay 150.000.000 đồng, ngày 01/8/2021 cho vay 100.000.000 đồng và ngày 15/8/2021 cho vay 50.000.000 đồng. Tổng cộng: 580.000.000 đồng. Các lần vay tiền, bà P có ký tên vào biên nhận; mục đích vay để làm ăn buôn bán và đáo hạn Ngân hàng, chi tiêu sinh hoạt trong gia đình; thỏa thuận khi nào bà T cần lấy lại tiền thì báo trước cho bà P, ông T2 trả lại. Đến nay đã nhiều lần yêu cầu nhưng ông T2, bà P không trả. Sau đó bà P có giao cho bà T 01 xe máy SH 150 của bà P đứng tên đăng ký thỏa thuận giá 100.000.000 đồng, đã nhận trước 55.000.000 đồng, số tiền 45.000.000 đồng thỏa thuận trừ vào số nợ 580.000.000 đồng.

Nay bà T yêu cầu ông T2, bà P liên đới trả số tiền 535.000.000 đồng vì là nợ chung vợ chồng, trả tiền một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

** Bị đơn ông Nguyễn Minh T2 trình bày:*

Trước đây, bà P là vợ ông có vay số tiền 280.000.000 đồng của bà T, có ký biên nhận nợ ghi ngày 13/6/2021 nhưng chỉ sử dụng số tiền 150.000.000 đồng, số tiền 130.000.000 đồng là vay dùm cho chị Nguyễn Thị Bé N. Đây là nợ riêng của bà P không liên quan đến ông.

Đối với số tiền nợ 300.000.000 đồng theo các biên nhận nợ ghi ngày 19/6/2021, ngày 01/8/2021 và ngày 15/8/2021 mà bà P đã ký là tiền lãi của số tiền 280.000.000 mà bà T ép buộc bà P ký vào biên nhận nợ. Hiện ông, bà đang có đơn yêu cầu xử lý hành vi bà T cưỡng đoạt tài sản là xe máy SH 150 và ép buộc bà P ký vào các biên nhận tiền lãi đối với số tiền 280.000.000 đồng vào các ngày 19/6/2021, ngày 01/8/2021 và ngày 15/8/2021 tại Công an huyện C.

Nay ông chỉ đồng ý cùng bà P trả số tiền 150.000.000 đồng cho bà T.

** Bị đơn bà Huỳnh Thị Hồng P trình bày:*

Trước đây, bà có vay số tiền 280.000.000 đồng của bà T nhưng bà chỉ sử dụng số tiền 150.000.000 đồng, số tiền 130.000.000 đồng thì bà đưa cho chị Nguyễn Thị Bé N. Đây là nợ riêng của bà không liên quan đến ông T2.

Đối với số tiền 300.000.000 đồng theo các biên nhận nợ ghi ngày 19/6/2021, ngày 01/8/2021 và ngày 15/8/2021 là tiền lãi của số tiền 280.000.000 đồng.

Nay bà chỉ đồng ý trả cho bà T số tiền 150.000.000 đồng.

* Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 19/2023/DS-ST ngày 16 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang đã căn cứ khoản 3 Điều 26, các điều 35, 39, 147, 227, 228 và Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều

288, 463, 466 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27 và Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ánh T.

1. Buộc ông Nguyễn Minh T2 và bà Huỳnh Thị Hồng P phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà T số tiền 535.000.000 đồng ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bà T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông T2, bà P chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì hàng tháng còn phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và khoảng thời gian chậm thi hành án.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà T đối với yêu cầu bà P, ông T2 trả số tiền 45.000.000 đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, án phí dân sự sơ thẩm, quyền kháng cáo và quyền, nghĩa vụ thi hành án của các đương sự theo quy định pháp luật.

* Ngày 21/02/2023, các bị đơn ông Nguyễn Minh T2 và bà Huỳnh Thị Hồng P có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết:

- Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ánh T;
- Hủy, sửa bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm;

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn Huỳnh Thị Hồng P vắng mặt, bị đơn Nguyễn Minh T2 vẫn giữ nguyên kháng cáo yêu cầu Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án dân sự sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Ông Nguyễn Minh T2 trình bày căn cứ kháng cáo là bà Nguyễn Thị Ánh T có hành vi đe dọa, ép buộc bà Huỳnh Thị Hồng P lập và ký vào các giấy nợ ngày 13/6/2021, 19/6/2021, 01/8/2021, 15/8/2021 và văn bản thỏa thuận bán xe ngày 04/9/2022. Đồng thời, ông đề nghị Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa phúc thẩm để chờ kết quả giải quyết của cơ quan có thẩm quyền đối với đơn tố cáo của ông về hành vi của bà Nguyễn Thị Ánh T đe dọa, ép buộc bà Huỳnh Thị Hồng P ký vào các giấy nợ và văn bản thỏa thuận bán xe nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời

điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, đình chỉ xét xử phúc thẩm kháng cáo của bà Huỳnh Thị Hồng P, không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Minh T2, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 19/2023/DS-ST ngày 16/02/2023 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang.

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Bà Huỳnh Thị Hồng P, ông Nguyễn Minh T2 nộp đơn kháng cáo và thực hiện các thủ tục kháng cáo hợp lệ, trong thời hạn luật định nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

Bà Huỳnh Thị Hồng P được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa và không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên được xem như từ bỏ việc kháng cáo. Tuy vậy, kháng cáo của bà có nội dung cùng kháng cáo của ông Nguyễn Minh T2, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm xét xử vắng mặt bà và không xem xét kháng cáo của bà theo trình tự phúc thẩm.

Ông Nguyễn Minh T2 đề nghị Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa phúc thẩm để chờ kết quả giải quyết của cơ quan có thẩm quyền đối với đơn tố cáo của ông về hành vi của bà Nguyễn Thị Ánh T đe dọa, ép buộc bà Huỳnh Thị Hồng P ký vào các giấy nợ và văn bản thỏa thuận bán xe. Xét thấy, yêu cầu của ông Nguyễn Minh T2 đã có kết quả giải quyết của Công an huyện C, tỉnh Tiền Giang và không thuộc trường hợp phải hoãn phiên tòa nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[2]. Về nội dung xét kháng cáo:

Trong quá trình tố tụng, nguyên đơn Nguyễn Thị Ánh T, các bị đơn ông Nguyễn Minh T2 và bà Huỳnh Thị Hồng P trình bày thống nhất: Bà Nguyễn Thị Ánh T và bà Huỳnh Thị Hồng P có lập các giấy vay tiền ngày 13/6/2021, ngày 19/6/2021, ngày 01/8/2021, ngày 15/8/2021 với số tiền là 580.000.000 đồng; văn bản thỏa thuận ngày 04/9/2022 về việc bán xe mô tô nhãn hiệu SH150i, biển số kiểm soát 63P1-439.55 với giá 100.000.000 đồng, trong đó bà T đưa tiền mặt là 55.000.000 đồng và căn trừ vào khoản nợ mà bà P nợ bà T là 45.000.000 đồng.

Ông T2 và bà P cho rằng số tiền vay 280.000.000 đồng thì thực chất ông T2 và bà P chỉ vay 150.000.000 đồng, số còn lại 130.000.000 đồng là vay giùm

cho chị Nguyễn Thị Bé N; số tiền 150.000.000 đồng theo giấy vay tiền ngày 19/6/2021, 100.000.000 đồng theo giấy vay tiền ngày 01/8/2021 và 50.000.000 đồng theo giấy vay tiền ngày 15/8/2021 là số tiền lãi của khoản vay 280.000.000 đồng nhưng bị bà T đe dọa, ép buộc ghi giấy vay tiền, kể cả văn bản thỏa thuận bán xe.

Theo Công văn số 2637/CAH ngày 16/12/2022 của Công an huyện C, tỉnh Tiền Giang, quá trình làm việc tại cơ quan Công an, bà P thừa nhận thông tin chữ viết và chữ ký trong các giấy vay tiền ngày 13/6/2021, ngày 19/6/2021, ngày 01/8/2021, ngày 15/8/2021 đều do bà P tự viết và ký tên, việc bà P tố giác bà T có hành vi đe dọa, ép buộc khi viết giấy vay tiền là chưa có cơ sở để chứng minh.

Như vậy, có căn cứ xác định bà P xác lập giao dịch vay tiền của bà T và lập các giấy vay tiền ngày 13/6/2021, ngày 19/6/2021, ngày 01/8/2021, ngày 15/8/2021 là sự thật và tự nguyện.

Việc Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông T2 và bà P trả cho bà T số tiền 535.000.000 đồng (sau khi trừ khoản tiền mua xe số tiền 45.000.000 đồng) với thời hạn nhất định là đúng quy định tại Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật Dân sự. Do vậy, kháng cáo của bà P và ông T2 là không có cơ sở nên không chấp nhận.

[3]. Những phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị nên có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4]. Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bà Huỳnh Thị Hồng P và ông Nguyễn Minh T2 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm.

[5]. Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang là có căn cứ, phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 357, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự; khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Minh T2.

- Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 19/2023/DS-ST ngày 16/02/2023 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang về nghĩa vụ dân sự.

+ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ánh T.

+ Buộc ông Nguyễn Minh T2 và bà Huỳnh Thị Hồng P phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà T số tiền 535.000.000 đồng.

+ Kể từ ngày bà T có đơn yêu cầu thi hành án, bà P và ông T2 chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì hàng tháng phải trả thêm khoản tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

- Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Minh T2 và bà Huỳnh Thị Hồng P phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Chuyển 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm mà ông T2, bà P đã nộp theo biên lai thu số 0017230 ngày 21/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang nộp thành án phí.

- Những phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị nên có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện C;
- CCTHADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN, CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Lê Huy